

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH BẾN TRE
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
MST: 1300100790

Số: 309/BC-CTTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 09 tháng 7 năm 2019

Năm báo cáo: Năm 2016, 2017, 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

Nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi của Công ty được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm, với sự phối hợp đồng bộ cùng địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre, các hệ thống công trình đảm bảo vận hành và điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý, thực hiện biện pháp vừa trữ ngọt kết hợp ngăn mặn, triển khai đồng bộ công tác đo mặn tại các công trình cống đầu mối, đảm bảo ngăn mặn xâm nhập nội đồng phục vụ tốt tưới tiêu cho diện tích cây trồng khác và sinh hoạt. Trong 03 năm 2016, 2017, 2018 Công ty được UBND các huyện, thành phố đánh giá tốt về hiệu quả hoạt động quản lý khai thác phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các chỉ tiêu về phục vụ sản xuất thực hiện trong 03 năm gần nhất như sau:

- Năm 2016: 108.576,28 ha. Đạt 100% kế hoạch.
- Năm 2017: 97.352,09 ha. Đạt 100% kế hoạch.
- Năm 2018: 118.432,96 ha. Đạt 124% kế hoạch.

Kết quả xếp loại doanh nghiệp các năm 2016, 2017, 2018: Công ty xếp loại A; Viên chức quản lý: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trong 03 năm trước: Dự án đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bến Tre được UBND tỉnh phê duyệt trong 03 năm thực hiện đúng các quy định, quy trình xây dựng cơ bản, các công trình sau khi nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

Nguồn vốn thực hiện: kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Giá trị thực hiện đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi trong 03 năm gần nhất:

- Năm 2016: 67,24 tỷ đồng.
- Năm 2017: 45,53 tỷ đồng.
- Năm 2018: 51,68 tỷ đồng.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm: không.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp



*** Thuận lợi**

Được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương hỗ trợ nguồn vốn cấp bù miễn thủy lợi phí, sự quan tâm của Tỉnh ủy, chỉ đạo UBND tỉnh, các sở ngành liên quan trong công tác đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi trong tỉnh đã phát huy tốt năng lực phục vụ của các hệ thống công trình, sự phối hợp đồng bộ của các cấp chính quyền địa phương về lịch thời vụ, lịch vận hành và công tác sửa chữa nâng cấp các công trình nên đảm bảo yêu cầu tưới tiêu, chống hạn úng kịp thời và ngăn mặn phục vụ cho sản xuất và dân sinh kinh tế.

Từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong 03 năm qua đã tạo điều kiện cho việc tập trung hơn vào công tác quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi hiện có. Từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ cho công tác quản lý vận hành, nâng cấp dàn công tác, lắp hệ thống tời quay đóng mở cống bằng cơ giới thay cho vận hành thủ công, trang bị máy đo mặn cho các trạm để phục vụ công tác đo mặn và báo cáo theo qui định. Các cống được sửa chữa kịp thời, các hệ thống kênh được nạo vét thông thoáng và tiêu thoát nhanh trong mùa mưa lũ, sửa chữa tôn cao các bờ bao cục bộ ngăn nước lũ và triều cường gây ngập úng các vườn cây ăn trái, giúp hộ nông dân được giảm bớt một phần chi phí sản xuất, tăng năng suất, nâng cao lợi nhuận và phát triển kinh tế gia đình.

*** Khó khăn**

- Về khai thác, vận hành công trình còn gặp một số khó khăn:
 - + Do nguồn vốn đầu tư các công trình chưa đồng bộ, chưa khép kín nên mặn còn xâm nhập vào nội đồng.
 - + Do tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, tình hình mặn xâm nhập ngày càng sớm và sâu trong những năm gần đây.
 - + Tình trạng người dân tự ý khoan lấy nước ngầm (mặn) để nuôi tôm biển trong vùng đã đầu tư xây dựng công trình ngọt hóa, xả thải và bơm bùn trực tiếp ra môi trường bên ngoài gây nhiễm mặn các kênh cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.
 - + Về công tác đầu tư sửa chữa, nạo vét công trình: Đa số các công trình nạo vét kênh trong thi công gặp khó khăn về mặt bằng đổ đất, do hoa màu và vật kiến trúc phía địa phương chịu trách nhiệm vận động nhân dân giải phóng mặt bằng không đền bù.
- Về công tác quản lý bảo vệ công trình thủy lợi: tình trạng lấn chiếm phạm vi bảo vệ các công trình còn xảy ra tương đối phổ biến.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Hiện nay có nhiều dự án công trình thủy lợi đang đầu tư xây dựng (Dự án JiCa sẽ đầu tư 08 cống ngăn mặn với kinh phí 6.200 tỷ đồng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư cống, đê khép kín Bắc Bến Tre với kinh phí 960 tỷ đồng), sau khi xây dựng đồng bộ sẽ khép kín đảm bảo ngăn mặn, ngăn lũ và triều cường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong công tác quản lý khai thác và vận hành các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý khai thác công trình, tổ chức bộ máy làm việc các chi nhánh trực thuộc Công ty, từng bước nâng cao trình độ, năng lực công nhân quản lý cống, trang bị và nâng cao năng lực quản lý điều hành tưới, tiêu.

Xây dựng phương án vận hành đồng bộ cho các hệ thống công trình đầu mối đảm bảo yêu cầu ngăn mặn, trừ ngọt, chủ động công tác điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

Tăng cường quản lý tốt mặt bằng và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp địa phương giải quyết các trường hợp lấn chiếm mặt bằng công trình.

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	Sản phẩm dịch vụ công ích (diện tích cấp, tưới, tiêu nước phục vụ nông nghiệp)	Ha	108.576,28	97.352,09	118.432,99	118.513
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	54,987	54,347	50,96	71,542
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,991	2,009	3,102	0,007
	<i>Trong đó:</i> + Chênh lệch TLP	Tỷ đồng	1, 973	1,727	3,097	0,007
	+ Kinh doanh khác	Tỷ đồng	0,018	0,282	0,005	-
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,126	0,197	0,103	0,130
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
7	Tổng lao động	Người	110			
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	3,788	4,068	4,261	5,419
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,581	0,650	0,510	0,664
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	3,207	3,418	3,751	4,755

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Không có. *E*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP.UBND tỉnh Bến Tre
- Trung tâm TT Điện tử ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre;
- Lưu: VT.



CHU THÍCH CÔNG TY
CÔNG TY
TRÌNH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI BẾN TRE
T.P. BẾN TRE - T. BẾN TRE
M.S.D.N: 1534001001
C.T. N.H.H.

E

Nguyễn Văn Ngân